TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN YÊN LẠC** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/DS-ST
Ngày 13 - 8 - 2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN LẠC, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lan.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đỗ Hồng Phúc và ông Hoàng Văn Khảm

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thúy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Yên Lạc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Lạc tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Yên Lạc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2020/TLST - DS ngày 13 tháng 3 năm 2020, về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2020/QĐXXST- DS ngày 13 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Tạ Thị T, sinh năm 1971

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, "có mặt".

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Bá N, sinh năm 1980

Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1984

Cùng địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, "đều vắng mặt"

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1964

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc "có mặt"

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Tạ Thị T trình bày:

Do có mối quan hệ là làng xóm giữa gia đình nhà bà và gia đình nhà anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị T nên năm 2014 anh N chị T có đặt vấn đề hỏi vay vợ chồng bà tiền nên bà đã cho anh N chị T vay số tiền là 230.000.000đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng). Khi vay tiền hai bên thỏa thuận bằng miệng về lãi suất là 1,5/tháng và khi nào bà cần tiền thì anh N, chị T phải có trách nhiệm trả cho

bà. Cuối năm 2015 bà cần tiền bà yêu cầu anh N chị T trả tiền nhiều lần nhưng anh N chị T không trả, do đó ngày 24/12/2015 (âm lịch) tức là ngày 02/02/2016 dương lịch bà có yêu cầu anh N chị T viết lại giấy nên anh N chị T có viết giấy vay tiền và cam kết trả nợ, thời hạn trả cụ thể như sau: Lần 1 trả 40 triệu đồng vào tháng 8/2016; lần 2 trả 63 triệu đồng vào tháng 8/2017; lần 3 trả 63 triệu vào tháng 8/2018; lần 4 trả 64 triệu vào tháng 8/2019 nhưng kể từ đó anh N chị T vẫn không trả cho bà.

Đối với tiền lãi: Lúc vay thỏa thuận lãi suất là 1,5%/tháng nhưng nay bà tính theo mức lãi suất Ngân hàng là 1%/tháng, thời hạn tính lãi suất kể từ ngày chốt nợ 02/02/2016 đến ngày 13/8/2020 (ngày xét xử sơ thẩm), cộng là 54 tháng 11 ngày, (2.300.000đồng/tháng x 54 tháng 11 ngày = 125.042.000đồng), anh N, chị T đã trả cho bà được 90.300.000đồng, còn lại 34.742.000đồng

Nay bà khởi kiện yêu cầu anh N chị T phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền là 264.742.000đồng, trong đó tiền gốc là 230.000.000đồng, tiền lãi là 34.742.000đồng.

Bị đơn là chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình giải quyết vụ án chị trình bày: Chị thừa nhận vợ chồng chị nhiều lần vay tiền của ông Nguyễn Ngọc T và bà Tạ Thị T nhưng cũng nhiều lần anh chị đã trả. Do làm ăn bị thất thoát nên anh chị không trả tiền cho ông bà T, Thế theo thỏa thuận được nên khoảng đầu năm 2016, chị đã phải viết giấy vay tiền và cam kết trả nợ theo yêu cầu của ông bà T Thế với số tiền là 230 triệu đồng và xin trả dần và đã trả được số tiền 90.300.000đồng.

Anh Nguyễn Bá N cố tình vắng mặt tại Tòa án , mặc dù đã được giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải , công văn và bản phô tô đơn khởi kiện cùng các tài liệu chứng cứ chứng cứ do nguyên đơn xuất trình nhưng anh N vẫn vắng mặt không có ý kiến gì.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc T trình bày: Ông nhất trí với lời trình bày của bà Tạ Thị T là vào năm 2014, ông bà có cho vợ chồng anh N chị T vay tiền, khi cần tiền ông bà đã yêu cầu trả nợ nhiều lần nhưng không trả. Nay bà T khởi kiện yêu cầu anh N chị T trả tiền ông hoàn toàn nhất trí, không có ý kiến gì.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng và của người tham gia tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tiến hành thụ lý, thu thập chứng cứ và xét xử vụ án theo đúng thẩm quyền, đúng trình tự thủ tục tố tụng mà pháp luật quy định; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quá

trình giải quyết vụ án bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần và hai lần được triệu tập đến phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt.

Về giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; buộc anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị T số tiền 264.742.000đồng, trong đó tiền gốc là 230.000.000đồng, tiền lãi là 125.042.000đồng lãi tính từ ngày 02/02/2016 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 13/8/2020, mức lãi suất theo Bộ luật dân sự qui định là 1%/ tháng, trừ đi số tiền 90.300.000đồng anh N chị T đã trả; anh N chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Tạ Thị T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị T trả nợ tiền vay theo giấy vay tiền cam kết trả nợ ngày 24 tháng 12 năm 2015 âm lịch, do đó đây là vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị T hiện đang cư trú tại Thôn N, xã T, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, theo qui định tại các Điều 27, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng cố tình vắng mặt tại phiên tòa , vì vậy Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình tiến hành tố tụng mặc dù bị đơn là anh Nguyễn Bá N đã biết việc Tòa án thụ lý vụ án do nguyên đơn là bà Tạ Thị T khởi kiện nhưng không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, cố tình vắng mặt; chị T đến Tòa án làm việc có viết bản tự khai. Do chị T và anh N vắng mặt nên Tòa án không tiến hành tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải giữa các đương sự được. Việc anh N và chị T cố tình vắng mặt đồng nghĩa với việc đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ của đương sự trong việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải trả nợ số tiền: 230.000.000 đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng) theo giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 24/12/2015 (âm lịch) và yêu cầu tính lãi suất của số tiền nợ, mức lãi suất là 1%/ tháng, thời hạn tính lãi suất kể từ ngày 02 tháng 02 năm 2016 đến ngày xét xử sơ thẩm và trừ đi số tiền 90.300.000đồng anh N chị T đã trả, thấy rằng: Quá trình giải quyết vụ án, anh N chị T đã được giao thông báo thụ lý vụ án số: 18/TB-TLVA ngày 13 tháng 3 năm 2020 và công văn số: 202/CV-TA ngày 30 tháng 6 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Yên Lạc, kèm theo là giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 24 tháng 12 năm 2015 (bản phô tô) có chữ ký của anh N chị T, do nguyên đơn xuất trình và chứng cứ liên quan đến việc khởi kiện của nguyên đơn. Quá trình tiến hành giao văn bản, tài liệu anh N là người

nhận trực tiếp, anh N chị T biết toàn bộ nội dung bà T khởi kiện nhưng anh N không có ý kiến, phản đối gì về yêu cầu khởi kiện của bà T; chị T có thừa nhận vay tiền của ông Thế bà T nhiều lần chưa trả hết nên khoảng năm 2016 anh chị có viết và ký giấy vay tiền và cam kết trả nợ với số tiền là 230 triệu đồng và xác nhận từ ngày viết giấy cam kết trả nợ thì anh chị đã trả cho bà T được 90.300.000đồng, lời khai này hoàn toàn phù hợp với lời khai của ông Thế và bà T. Vì vậy, có đủ cơ sở để khẳng định anh N chị T vay tiền của bà T hiện tại còn nợ: 230.000.000đồng vẫn chưa trả.

[2.1] Khi vay tiền hai bên thỏa thuận tính lãi suất là 1,5%/tháng và bị đơn đã trả lãi hết tháng 01/2016, toàn bộ số tiền đã trả này nguyên đơn cũng không nhớ cụ thể là bao nhiêu và cũng không có đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét. Kể từ tháng 02/2016 đến nay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất là 1%/tháng, bị đơn đã trả cho nguyên đơn 90.300.000đồng. Do đó yêu cầu khởi kiện của bà T buộc anh N và chị T phải trả cho chị T số tiền vay là 230.000.000 đồng và lãi suất của số tiền nợ là có căn cứ nên cần buộc anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị T phải có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị T số tiền là 230.000.0000đồng (hai trăm ba mươi triệu đồng), theo giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 24 tháng 12 năm 2015 (âm lịch) và lãi suất của số tiền vay kể từ ngày 02/02/2016 đến ngày 13/8/2020 là ngày xét xử là: 125.042.000đồng (230.000.000đồng x 1%/tháng x 54 tháng 11 ngày) cộng cả gốc và lãi là 355.042.000đồng, trừ đi số tiền anh N chị T đã trả là 90.300.000đồng, nay anh N chị T còn phải trả bà T là 264.742.000đồng.

[3] Về án phí sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là: 13.237.000đồng (264.742.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Tạ Thị T. Buộc anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị T có nghĩa vụ trả cho bà Tạ Thị T số tiền 264.742.000đồng (hai trăm sáu tư triệu bảy trăm bốn hai nghìn đồng), trong đó tiền gốc là 230.000.000đồng, tiền lãi 34.742.000đồng theo giấy vay tiền và cam kết trả nợ ngày 24 tháng 12 năm 2015 (âm lịch).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà Tạ Thị T có đơn đề nghị thi hành án mà anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị T chưa thanh toán được số tiền trên, thì hàng tháng anh N, chị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải

thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Nguyễn Bá N và chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền là 13.237.000đồng (mười ba triệu hai trăm ba mươi bảy nghìn đồng). Bà Tạ Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; trả lại cho bà T 5.750.000đồng (năm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2007/0005533 ngày 13 tháng 3 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Lạc.

Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt cũng có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Yên Lạc;
- Chi cục THADS huyện Yên Lạc;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Thành phần Hội đồng xét xử

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Lan

Ngày 29 tháng 8 năm 2012, giữa ngân hàng và anh Nguyễn Xuân Thủy đã ký kết Hợp đồng tín dụng số: 02, theo đó ngân hàng đã cho anh Thủy vay số tiền là 690.000.000 đồng (sáu trăm chín mươi triệu đồng); thời hạn vay 24 tháng (kể từ ngày ký hợp đồng); lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 15%/năm và được điều chỉnh khi lãi suất của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Vĩnh Phúc thay đổi; lãi suất quá hạn là 150% so với lãi suất cho vay; mục đích vay là Mua xe ô tô để kinh doanh.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ngày 28 tháng 8 năm 2012, giữa ngân hàng và ông Nguyễn Chí Thành, anh Nguyễn Xuân Thủy và chị Đinh Thị Hồng có ký kết 02 hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất, cụ thể hợp đồng số: 01 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 02, diện tích 150m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn Ngoại Trạch, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X430708 mang tên hộ ông Nguyễn Chí Thành do Uỷ ban nhân dân huyện Bình Xuyên cấp ngày 23 tháng 9 năm 2003, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00483/QSDĐ/848/QĐ-UB) và hợp đồng số 02 đã thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất là thửa đất số 167, tờ bản đồ số 02, diện tích 297m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn Ngoại Trạch, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BB 964079 mang tên Nguyễn Xuân Thủy và Đinh Thị Hồng do Uỷ ban nhân dân huyện Bình Xuyên cấp ngày 08 tháng 12 năm 2010, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH 00055.

Thực hiện hợp đồng tín dụng: Ngân hàng đã tiến hành giải ngân cho anh Nguyễn Xuân Thủy vay số tiền 690.000.000 đồng; kể từ ngày vay, đến ngày 26 tháng 12 năm 2018 anh Thủy trả được cho Ngân hàng số tiền là 573.794.168đồng (năm trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm chín tư nghìn một trăm sáu tám đồng). Trong đó tiền gốc 268.000.000đồng (hai trăm sáu tám triệu), tiền lãi 305.794.168 đồng (ba trăm linh năm triệu bảy trăm chín tư nghìn một trăm sáu mươi tám đồng). Kể từ đó anh Thủy không trả thêm bất cứ khoản tiền nào khác mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu anh Thủy trả nợ.

Tại đơn khởi kiện và quá trình làm việc Ngân hàng đề nghị Tòa án nhân dân Huyện Bình Xuyên giải quyết buộc anh Nguyễn Xuân Thủy phải có trách nhiệm trả nợ tính đến ngày 10/12/2019 số tiền là: 968.148.388 đồng và toàn bộ số tiền lãi phát sinh trên khoản nợ gốc cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trong trường hợp anh Thủy không trả được số tiền trên ngân hàng đề nghị Tòa án xử lý, bán phát mại tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2012. Trường hợp nếu sau khi xử lý tài sản thế chấp vẫn không đủ để trả nợ gốc, lãi cho ngân hàng thì đề nghị Tòa án buộc anh Thủy, chị Hồng, ông Thành tiếp tục có nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi đến khi trả hết các khoản nợ cho ngân hàng.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản số 02 ngày 28/8/2012, đã được thỏa thuận giải quyết xong giữa Ngân hàng; anh Nguyễn Xuân Thủy và chị Đinh Thị Hồng, do đó Ngân hàng không có yêu gì đối với hợp đồng này.

Ngày 09 tháng 12 năm 2019, Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu Tòa án xử lý hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn

liền với đất số 01 ngày 28 tháng 8 năm 2012, tài sản thế chấp mang tên hộ ông Nguyễn Chí Thành.

Tại phiên tòa Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Nguyễn Xuân Thủy phải trả cho Ngân hàng số tiền tính hết ngày 25/12/2019 là: 971.805.721đồng (chín trăm bẩy mươi mốt triệu tám trăm linh năm nghìn bảy trăm hai mốt đồng), trong đó nợ gốc là: 422.000.000đồng (bốn trăm hai mươi hai triệu đồng), nợ lãi là 549.805.721đồng (lãitrong hạn là 327.558.443đồng, lãi quá hạn là 222.247.278đồng).

Về chi phí định giá và chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ Ngân hàng xin chịu toàn bộ, không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Xuân Thủy trình bày: Anh thừa nhận toàn bộ lời trình bày của ông Nguyễn Thanh Châu, là người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng về việc ký kết hợp đồng tín dụng, 02 hợp đồng thế chấp tài sản và quá trình thực hiện hợp đồng. Tính đến ngày 26 tháng 12 năm 2018, anh mới trả được cho Ngân hàng số tiền 573.794.168 đồng (năm trăm bảy mươi ba triệu bảy trăm chín tư nghìn một trăm sáu tám đồng), (trong đó: Tiền gốc là 268.000.000đồng, tiền lãi là 305.791.168đồng), sau đó do làm ăn khó khăn nên anh không có khả năng tiếp tục trả tiền cho ngân hàng nữa mặc dù ngân hàng đã yêu cầu trả nợ nhiều lần, anh khẳng định toàn bộ chữ ký, chữ viết trong hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp tài sản là do anh ký và do anh viết. Nay Ngân hàng khởi kiện cho rằng tính hết ngày 25/12/2019, anh còn nợ Ngân hàng số tiền gốc là 422.000.000đồng (bốn trăm hai mươi hai triệu đồng), tiền lãi là 549.805.721đồng (lãi trong hạn là 327.558.443đồng, lãi quá hạn là 222.247.278đồng) và yêu cầu anh phải trả nợ toàn bộ số tiền trên, anh hoàn toàn nhất trí; tuy nhiên do điều kiện hoàn cảnh hiện tại anh đang rất khó khăn, làm ăn bị thiệt hại, thua lỗ, không thu hồi được vốn nên anh đề nghị xin trả số tiền nợ gốc và xin miễn toàn bộ tiền lãi. Anh nhất trí việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện là không đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Chí Thành, ngoài ra anh không có đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Đinh Thị Hồng trình bày: Chị là vợ anh Thủy, chị xác nhận những lời trình bày của anh Thủy là đúng và xác nhận chữ ký chữ viết trong hợp đồng thế chấp tài sản là do chị ký, chị viết. Toàn bộ số tiền anh Thủy vay tại Ngân hàng, mục đích vay tiền để mua xe ô tô làm ăn phát triển kinh tế gia đình; nay chị có trách nhiệm cùng anh Thủy trả nợ cho Ngân hàng và cũng đồng ý như anh Thủy trình bày là đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ số tiền lãi cho anh, chị. Đối với việc Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện là không đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mang tên ông Nguyễn

Chí Thành, chị hoàn toàn nhất trí, ngoài ra chị không trình bày gì và cũng không có đề nghị gì.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Chí Thành trình bày: ông là bố đẻ của anh Thủy, chị Hồng là con dâu ông. Hiện nay ông đang sống cùng anh Thủy, chị Hồng ông cũng xác nhận lời trình bày của đại diện ngân hàng, của anh Thủy là đúng, ông cũng xác nhận gia đình đã dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đứng tên ông là chủ hộ để thế chấp cho khoản vay 690.000.000 đồng và chữ ký trong hợp đồng thế chấp là của ông; nay ông xác nhận số nợ còn lại như ngân hàng khai là đúng. Do điều kiện anh Thủy làm ăn bị thất thoát, không thu hồi được vốn, không trả được nợ cho ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện buộc anh Thủy phải trả nợ ông nhất trí quan điểm của anh Thủy là xin trả nợ dần và đề nghị Ngân hàng miễn toàn bộ lãi cho anh Thủy. Việc Ngân hàng xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không đề nghị xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất mang tên ông, ông hoàn toàn nhất trí. Tuy nhiên, ngày 06 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa ông yêu cầu Ngân hàng và ông Nguyễn Thanh Châu, Giám đốc Ngân hàng NN và PTNT Việt N; Chi nhánh Bình Xuyên, Vĩnh Phúc II –Phòng giao dịch Quang Hà phải bồi thường cho gia đình ông tổng số tiền 807.000.000đồng (tám trăm linh bẩy triệu đồng), là do Ngân hàng không làm theo thỏa thuận đã cam kết, Ngân hàng đã yêu cầu anh Thủy ký ủy quyền khống bán nhà, Ngân hàng đã bán nhà đất của gia đình ông, là tài sản gia đình ông đã thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 02 ngày 28/8/2012 được ký kết giữa Ngân hàng và gia đình ông.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm như sau:

Về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự của người tiến hành tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ thời điểm nhận đơn khởi kiện cho đến khi thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, việc chấp hành thời hạn chuẩn bị xét xử từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán giải quyết vụ án đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

Những yêu cầu, kiến nghị về thủ tục tố tụng: Không có.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 290, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố

tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc anh Nguyễn Xuân Thủy và chị Đinh Thị Hồng trả cho Ngân hàng số tiền 971.805.712đồng (chín trăm bẩy mốt triệu tám trăm linh năm nghìn bẩy trăm mười hai đồng) trong đó tiền gốc là 422.000.000đồng (bốn trăm hai mươi hai triệu đồng), tiền lãi là 549.865.712đồng(lãi trong hạn là 327.558.443đồng, lãi quá hạn là 222.247.278đồng)

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N về việc xử lý tài sản thế chấp đối với hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 28/8/2012, tài sản thế chấp là Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 02, diện tích 150m^2, địa chỉ thửa đất: Thôn Ngoại Trạch, xã Tam Hợp, huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X430708 mang tên hộ ông Nguyễn Chí Thành do Uỷ ban nhân dân huyện Bình Xuyên cấp ngày 23 tháng 9 năm 2003, vào sổ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00483/QSDĐ/848/QĐ-UB).

Về án phí, chi phí tố tụng: Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ngân hàng là doanh nghiệp hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thuộc Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 26/02/2004 và cấp lại ngày 14/9/2016, ngày 29/8/2012, Ngân hàng ký kết hợp đồng tín dụng với anh Nguyễn Xuân Thủy, cụ thể cho anh Nguyễn Xuân Thủy vay số tiền là 690.000.000 đồng, đến thời hạn trả nợ anh Thủy không trả được nợ, anh Thủy đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu anh Thủy trả nợ.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trước khi thụ lý và quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều khai bị đơn là anh Nguyễn Xuân Thủy không có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh nên Tòa án đã thụ lý vụ án dân sự theo qui định Điều 27 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng tại phiên tòa ngày 26/12/2019, bị đơn đã xuất trình cho Hội đồng xét xử 01 Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 19D8001353, tên hộ kinh doanh Nguyễn Xuân Thủy nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại theo qui định tại Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.1] Ngày 09 tháng 12 năm 2019, nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, về việc không đề nghị xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp tài sản số 01 ngày 28/8/2012, tài sản thế chấp là Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 02, diện tích 150m^2; địa chỉ thửa đất tại thôn Ngoại Trạch, xã Tam Hợp, huyện Bình

Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số X430708 mang tên hộ ông Nguyễn Chí Thành do Uỷ ban nhân dân huyện Bình Xuyên cấp ngày 23 tháng 9 năm 2003, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, hợp pháp nên được chấp nhận.

[2.2] Tại đơn yêu cầu bồi thường đề ngày 06 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa ông Nguyễn Chí Thành yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên giải quyết buộc Ngân hàng và ông Nguyễn Thanh Châu, Giám đốc Ngân hàng NN và PTNT Việt N; Chi nhánh Bình Xuyên, Vĩnh Phúc II –Phòng giao dịch Quang Hà phải bồi thường cho gia đình ông tổng số tiền 807.000.000đồng (tám trăm linh bẩy triệu đồng). Sau khi xem xét đơn yêu cầu bồi thường dân sự và làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy rằng đây không phải đơn của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập theo qui định tại Điều 201 Bộ luật tố tụng dân sự, mặt khác Tòa án đã có quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa lần thứ nhất vào ngày 29 tháng 11 năm 2019, đến ngày 06 tháng 12 năm 2019, ông Thành mới nộp đơn yêu cầu đến Tòa nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này, Tòa án sẽ xem xét bằng một vụ án khác khi có đơn khởi kiện của đương sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Xuân Thủy có ký hợp đồng tín dụng số 02 và phụ lục Hợp đồng tín dụng số 2807203029562 ngày 29 tháng 8 năm 2012, việc ký kết hợp đồng theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình thực hiện hợp đồng đến ngày 26 tháng 12 năm 2018, anh Thủy mới trả được cho Ngân hàng số tiền là 573.794.168 đồng. Từ đó anh Thủy không trả thêm bất cứ khoản tiền nào khác. Tính đến ngày 26 tháng 12 năm 2019, anh Nguyễn Xuân Thủy còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 971.805.712đồng, trong đó tiền gốc là 422.000.000đồng, tiền lãi là 549.805.721đồng (lãi trong hạn là 327.558.443đồng, lãi quá hạn là 222.247.278đồng).

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Hồng đều thừa nhận khoản tiền mà anh Thủy vay tại Ngân hàng, với mục đích mua xe ô tô để làm ăn; chị cùng anh Thủy sử dụng vốn vay để phát triển kinh tế gia đình, số tiền vay này đến nay vẫn chưa trả cho Ngân hàng, do đó chị Hồng cũng phải có trách nhiệm liên đới cùng anh Thủy trả nợ cho Ngân hàng là phù hợp với Điều 27 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4.2] Căn cứ vào lời trình bày của đại diện nguyên đơn và sự thừa nhận của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đủ cơ sở để khẳng định ngày 29 tháng 8 năm 2012, anh Nguyễn Xuân Thủy có ký hợp đồng tín dụng để vay tiền và đã nhận đủ số tiền 690.000.000đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N chi nhánh Vĩnh Phúc II- phòng giao dịch Quang Hà; quá trình thực

hiện hợp đồng đã trả lãi hết ngày 25/12/2018, kể từ đó anh Thủy chưa trả thêm khoản tiền nào khác. Do đó cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Hồng có trách nhiệm trả nợ cho nguyên đơn số tiền cả gốc và lãi tính từ ngày 26/12/2018 đến ngày 26/12/2019 là 971.805.712đồng, trong đó tiền gốc là 422.000.000đồng, tiền lãi là 549.805.712đồng (lãi trong hạn là 327.558.443đồng, lãi quá hạn là 222.247.278đồng)

[5] Về án phí: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí; trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền số AA/2017/0003551 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên**;** Anh Thủy, chị Hồng phải chịu án phí với số tiền nguyên đơn khởi kiện được Tòa án chấp nhận với số tiền là 36.000.000đồng (800.000.000 đồng = 36.000.000 đồng; 171.805.712đồng x 3%).

[6] Về chi phí tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án Ngân hàng có yêu cầu thẩm định tài sản, Ngân hàng đã nộp chi phí cho việc thẩm định nhưng Ngân hàng xin tự nguyện chịu toàn bộ chi phí thẩm định, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Xuyên về giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều các Điều 290, 471, 474 và 476 của Bộ luật dân sự năm 2005; 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N đối với bị đơn anh Nguyễn Xuân Thủy.

Buộc anh Nguyễn Xuân Thủy và chị Đinh Thị Hồng có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N- chi nhánh Vĩnh Phúc II phòng giao dịch Quang Hà số tiền 971.805.712đồng (chín trăm bẩy mốt triệu tám trăm linh năm nghìn bảy trăm mười hai đồng), trong đó tiền gốc là 422.000.000đồng (bốn trăm hai mươi hai triệu đồng), tiền lãi là 549.805.721đồng (năm trăm bốn chín triệu tám trăm linh năm nghìn bẩy trăm hai mốt đồng), lãi trong hạn là 327.558.443đồng, lãi quá hạn là 222.247.278đồng. Anh Nguyễn Xuân Thủy và chị Đinh Thị Hồng phải tiếp tục trả tiền lãi cho Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm của số tiền dư nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong toàn bộ số nợ theo mức lãi suất thoả thuận trong hợp đồng tín dụng số 02 và

phụ lục Hợp đồng tín dụng số 2807203029562 ngày 29 tháng 8 năm 2012, được ký kết giữa Ngân hàng và anh Nguyễn Xuân Thủy.

Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt N về việc xử lý tài sản thế chấp đối với hợp đồng thế chấp tài sản số: 01 ngày 28 tháng 8 năm 2012, tài sản mang tên hộ ông Nguyễn Chí Thành.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí 20.000.000đồng (hai mươi triệu đồng), do ông do ông Vi Quang Được, là Phó phòng kế hoạch kinh doanh Ngân hàng NN và PTNT Việt N; chi nhánh Bình Xuyên Vĩnh Phúc II nộp tại biên lai thu tiền số AA/2017/0003551 ngày 06/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Xuyên; anh Thủy, chị Hồng phải chịu 41.154.000đồng (bốn mươi mốt triệu một trăm năm mươi bốn nghìn đồng).

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Quang Thái **Lê Thị Bích Thuần** **Trần Thị Lan**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Phan Thanh Minh Lê Thị Bích Thuần **Trần Thị Lan**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Xuyên;
- Chi cục THADS huyện Bình Xuyên;
- Lưu HS + VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lan